

PHỤ LỤC
DANH MỤC HỒ, AO, ĐÀM KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
I.1	Xã Tu Bông: 06 hồ								
1	Hồ Hoa Sơn	Thôn Vạn Long, Xã Tu Bông	612845,99	1415352,99	136,4	18,04	Cấp nước sản xuất nông nghiệp cho 824 ha đất canh tác (lúa); Cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ khoảng 3.000 m³/ngày đêm cho Nhà máy nước Tu Bông, Công ty TNHH MTV Đá Phú Tài Khánh Hòa. Ngoài ra, phòng chống lũ cho hạ du.	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa
2	Hồ Bà Bắc	Thôn Vạn Phước, xã Tu Bông	615407,7	1415592,26	0,987	0,029	Cấp nước sản xuất nông nghiệp cho 30 ha đất canh tác (lúa)	-	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
3	Hồ Cây Bứa	Thôn Vạn Khánh, xã Tu Bông	610851,02	1411379,49	7,81	0,271	Cấp nước tưới hỗ trợ 30 ha lúa khi hồ chứa Hoa Sơn không đảm bảo nguồn nước	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa
4	Hồ số 1	Thôn Vạn Long, xã Tu Bông	612700,88	1414037,73	3,21	-	Sản xuất nông nghiệp	x	UBND xã Tu Bông
5	Hồ số 2	Thôn Vạn Long, Xã Tu Bông	612747,01	1413933,03	4,00	-	Sản xuất nông nghiệp, phục vụ nuôi trồng thủy sản	x	UBND xã Tu Bông
6	Hồ số 3	Thôn Long Hòa, xã Tu Bông	613249,74	1414529,39	3,65	-	Sản xuất nông nghiệp	x	UBND xã Tu Bông

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (<i>Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3^o</i>)		Diện tích mặt nước (<i>ha</i>)	Dung tích (<i>10⁶m³</i>)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
I.2	Xã Vạn Thắng: 01 ao, 01 hồ								
7	Ao số 1	Thôn Suối Luồng, xã Vạn Thắng	606573,16	1409401,57	0,94	-	Sản xuất nông nghiệp và phục vụ sinh hoạt	-	UBND xã Vạn Thắng
8	Hồ Suối Luồng	Thôn Suối Luồng, xã Vạn Thắng	607254,96	1410138,30	13,40	0,579	Cấp nước sản xuất nông nghiệp cho 83 ha đất canh tác (lúa). Ngoài ra, Phòng chống lũ cho hạ du.	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa
I.3	Xã Vạn Ninh: 03 ao, 02 cụm ao								
9	Ao số 1	Thôn Vạn Phú, xã Vạn Ninh	604654,99	1404297,74	0,66	-	Cung cấp nước sinh hoạt	-	UBND xã Vạn Ninh
10	Ao số 2	Thôn Vạn Lương, xã Vạn Ninh	604702,89	1403272,14	0,51	-	Sản xuất nông nghiệp	-	UBND xã Vạn Ninh

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
11	Ao số 3	Thôn Vạn Lương, xã Vạn Ninh	604415,34	1403189,2	0,52	-	Cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	-	UBND xã Vạn Ninh
12	Cụm ao số 1	Thôn Vạn Lương, xã Vạn Ninh	604579,08	1403119,23	1,59	-	Cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	-	UBND xã Vạn Ninh
13	Cụm ao số 2	Thôn Vạn Lương, xã Vạn Ninh	604870,98	1403492,14	1,64	-	Cung cấp nước sinh hoạt	-	UBND xã Vạn Ninh
I.4	Xã Đại Lãnh: 01 hồ								
14	Hồ Suối Lớn	Thôn Vạn Thọ, xã Đại Lãnh	617375,22	1416410,28	2,86	0,203	Cấp nước sản xuất nông nghiệp cho 69 ha đất canh tác (lúa). Ngoài ra, phòng chống lũ cho hạ du.	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
I.5	Xã Vạn Hưng: 01 hồ								
15	Hồ Đá Đen	Thôn Xuân Thọ, xã Vạn Hưng	596072,39	1402712,08	46,0	3,43	Cấp nước sản xuất nông nghiệp, thủy sản cho 462 ha đất canh tác (lúa); cấp nước sinh hoạt không thường xuyên cho người dân các xã Vạn Hưng và Vạn Ninh. Ngoài ra, phòng chống lũ cho hạ du.	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa
I.6	Xã Bắc Ninh Hòa: 02 hồ								
16	Hồ Đá Bàn	Thôn Ninh Sơn, xã Bắc Ninh Hòa	593049,9	1397735,52	668,8	75,0	Cấp nước sản xuất nông nghiệp cho 4.276 ha đất canh tác (lúa và màu); Cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ khoảng 12.000 m ³ /ngày đêm cho 02 nhà máy nước Ninh Đông và Ninh Sơn. Ngoài ra, Phòng chống lũ cho hạ du. Góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa
17	Hồ số 2	Thôn Ninh An, xã Bắc Ninh Hòa	599925,01	1384912,76	2,54	-	Sản xuất nông nghiệp	x	UBND xã Bắc Ninh Hòa

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
I.7	Xã Hòa Trí: 02 ao								
18	Ao số 1	Thôn Ninh Trung, Xã Hòa Trí	594479,56	1387091,7	0,59	-	Sản xuất nông nghiệp	-	UBND xã Hòa Trí
19	Ao số 2	Thôn Ninh Thân, Xã Hòa Trí	590796,6	1383681,86	0,5	-	Cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp	-	UBND xã Hòa Trí
I.8	Xã Tây Ninh Hòa: 03 hồ								
20	Hồ Suối Sim	Thôn Nông Trường, xã Tây Ninh Hòa	583607,71	1390300,29	90	1,73	Cấp nước sản xuất nông nghiệp cho 2,2 ha đất canh tác (lúa)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa
21	Hồ thủy điện Eakrong Rou	Xã Tây Ninh Hòa	574464,21	1394716,20	299	-	Tích trữ nước để phát điện, điều tiết dòng chảy và góp phần cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt ở khu vực xung quanh	x	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền Trung

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
22	Hồ số 1	Xã Tây Ninh Hòa	579150,69	1388645,37	2,76	-	Sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi	x	UBND xã Tây Ninh Hòa
I.9	Phường Ninh Hòa: 01 ao; 01 hồ								
23	Ao số 1	Ninh Phụng, phường Ninh Hòa	590888	1383341,64	0,5	-	Sản xuất nông nghiệp	-	UBND phường Ninh Hòa
24	Hồ số 1	Trần Quý Cáp, Phường Ninh Hòa	594930,69	1381283,55	1,24	-	Cung cấp nước sinh hoạt	-	UBND phường Ninh Hòa
I.10	Xã Tân Định: 02 ao; 05 hồ								
25	Ao số 1	Ninh Xuân, xã Tân Định	587426,56	1383607,67	0,85	-	Sản xuất nông nghiệp	-	UBND xã Tân Định

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
26	Ao số 2	Ninh Xuân, xã Tân Định	585235,34	1384400,34	1,0	-	Sản xuất nông nghiệp	-	UBND xã Tân Định
27	Hồ số 1	Tân Bình, xã Tân Định	594719,92	1381873,61	1,37	-	Cung cấp nước sinh hoạt	-	UBND xã Tân Định
28	Hồ số 2	Tân Bình, xã Tân Định	594621,24	1381239,71	1,28	-	Cung cấp nước sinh hoạt	-	UBND xã Tân Định
29	Hồ số 3	Ninh Xuân, xã Tân Định	586868,92	1379236,36	11,5	-	-	x	UBND xã Tân Định
30	Hồ số 4	Ninh Xuân, xã Tân Định	589204,4	1382685,09	2,1	-	Sản xuất nông nghiệp	x	UBND xã Tân Định

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
31	Hồ Suối Trầu	Ninh Xuân, xã Tân Định	586295,93	1382957,2	239	9,545	Cấp nước sản xuất nông nghiệp cho 467 ha đất canh tác (lúa, hoa màu)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa
I.11	Phường Hòa Thắng: 01 ao; 02 hồ								
32	Ao số 1	Phú Thạnh, phường Hòa Thắng	598854,47	1379775,52	0,63	-	Sản xuất nông nghiệp	-	UBND phường Hòa Thắng
33	Hồ Tiên Du	Ninh Phú, phường Hòa Thắng	606614,4	1377731,22	142,7	7,13	Cấp nước sản xuất nông nghiệp cho 73 ha đất canh tác (lúa); Cấp nước sinh hoạt không thường xuyên cho người dân (xã Ninh Phú, thị xã Ninh Hòa cũ). Nay là phường Hòa Thắng. Ngoài ra, phòng chống lũ cho hạ du..	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa
34	Hồ số 1	Ninh Phú, phường Hòa Thắng	601357	1379407,86	1,64	-	Sản xuất nông nghiệp	-	UBND phường Hòa Thắng

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
I.12	Phường Đông Ninh Hòa: 01 hồ								
35	Hồ Hyundai Vinasin (hồ chứa nước Hòn Khói)	Mỹ Á, phường Đông Ninh Hòa	607345,58	1382682,70	33,3	1,26	Cấp nước sinh hoạt, công nghiệp cho khu công nghiệp HuynDai-Vinashin và khu dân cư Ninh Thủy, với lượng cấp 1,36 Tr.m³/năm (trong giai đoạn 1) và 2,83 Tr.m³/năm (trong giai đoạn 2, hiện nay chưa được tiến hành xây dựng); các nhu cầu dùng nước khác khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt năm 2022	x	UBND phường Đông Ninh Hòa
I.13	Xã Nam Ninh Hòa: 01 ao; 02 hồ								
36	Ao số 1	Mỹ Lợi, xã Nam Ninh Hòa	594452,84	1377071,92	0,62	-	Cung cấp nước sinh hoạt	-	UBND xã Nam Ninh Hòa
37	Hồ số 1	Ninh Tân, xã Nam Ninh Hòa	579303,09	1378293,34	2,24	-	Sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái	x	UBND xã Nam Ninh Hòa

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
38	Hồ số 2	Ninh Lộc, xã Nam Ninh Hòa	592624,22	1374854,44	7,19	-	Sản xuất nông nghiệp, tích trữ và điều hòa nguồn nước	x	UBND xã Nam Ninh Hòa
I.14	Xã Trung Khánh Vĩnh: 02 hồ								
39	Hồ Thủy điện sông Giang	Khánh Trung, xã Trung Khánh Vĩnh	563311,31	1368530,19	23,4	-	Tích trữ nước để phát điện, điều tiết dòng chảy và góp phần cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt ở khu vực xung quanh	x	Công ty Cổ phần Khai thác Thủy điện Sông Giang
40	Hồ Sông Chò 2	Khánh Hiệp, xã Trung Khánh Vĩnh	564407,21	1376153,03	35,0	-	Đập thủy điện sông Chò 2 giúp tích nước tạo hồ chứa, tận dụng chênh lệch độ cao để sản xuất điện năng. Ngoài ra, đập giúp điều tiết dòng chảy, cắt giảm lũ cho hạ du, cung cấp nước tưới tiêu nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản	x	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
I.15	Xã Bắc Khánh Vĩnh: 01 hồ								
41	Hồ chứa nước Ba Dùi	Ba Dùi, xã Bắc Khánh Vĩnh	576831,12	1369581,6	7,25	0,2310	Sản xuất nông nghiệp	x	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh
I.16	Phường Bắc Nha Trang: 05 hồ								
42	Hồ số 1	Vĩnh Hải, phường Bắc Nha Trang	600006,1	1359933,15	1,88	-	Hồ cung cấp nước sinh hoạt	-	UBND phường Bắc Nha Trang
43	Hồ số 2	Vĩnh Hải, phường Bắc Nha Trang	600446,14	1359680,88	2,13	-	Điều hòa khí hậu vùng dân cư	x	UBND phường Bắc Nha Trang
44	Hồ số 3	Vĩnh Hải, phường Bắc Nha Trang	596505,8	1358359,66	2,97	-	Sản xuất nông nghiệp	x	UBND phường Bắc Nha Trang

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
45	Hồ số 4	Vĩnh Phương, phường Bắc Nha Trang	596505,8	1358359,66	3,17	-	Cung cấp nước tưới tiêu - sản xuất nông nghiệp	x	UBND phường Bắc Nha Trang
46	Hồ Đắc Lộc	Vĩnh Phương, phường Bắc Nha Trang	597639,84	1362343,73	41	2,24	Cấp nước tưới cho một số diện tích nhỏ, lẻ dọc kênh thoát lũ. (Các diện tích sản xuất dọc kênh tưới thiết kế hiện đang sử dụng nguồn nước từ giếng khoan của người dân). Ngoài ra, phòng lũ cho hạ lưu thôn Đắc Lộc và cải tạo cảnh quan môi trường sinh thái	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa
I.17	Xã Diên Lâm: 3 hồ, 2 ao								
47	Hồ chứa nước Đồng Mộc	Xuân Trung, xã Diên Lâm	580534,27	1362842,52	12,9	0,920	Chức năng tạo cảnh quan và sản xuất nông nghiệp	x	UBND xã Diên Lâm
48	Hồ chứa nước Đá Mài	Khánh Xuân, xã Diên Lâm	581765,42	1361450,66	10,5	0,235	Chức năng tạo cảnh quan và sản xuất nông nghiệp	x	UBND xã Diên Lâm

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
49	Hồ Đồng Hạng	Diên Xuân, xã Diên Lâm	577667,38	1361799,64	1,17	-	Sản xuất nông nghiệp	-	UBND xã Diên Lâm
50	Ao số 1	xã Diên Lâm	584628,82	1357812,55	2,09	-	Tích trữ nước	x	UBND xã Diên Lâm
51	Ao số 2	Xuân Lâm, xã Diên Lâm	582976,88	1358227,30	4,09		Tích trữ nước	x	UBND xã Diên Lâm
I.18	Xã Diên Điền: 02 hồ								
52	Hồ Am Chúa	Xã Diên Điền	592014,7	1361605,17	70	4,29	Cấp nước tưới cho 360 ha đất canh tác. Ngoài ra, phòng lũ cho hạ du	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa
53	Hồ số 1	Diên Sơn, xã Diên Điền	589987,93	1358309,55	1,91	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước	-	UBND xã Diên Điền

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
I.19	Xã Diên Thọ: 02 ao; 05 hồ								
54	Ao số 2	Xã Diên Thọ	582348,59	1356268,94	0,57	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước	-	UBND xã Diên Thọ
55	Ao số 3	Diên Phước, xã Diên Thọ	586311,03	1357261,81	0,93	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước, cấp nước sinh hoạt	-	UBND xã Diên Thọ
56	Hồ Láng Nhót	Diên Tân, xã Diên Thọ	579069,81	1352295,64	42,3	2,134	Cấp nước tưới cho khoảng 354 ha đất canh tác (lúa). Ngoài ra, phòng lũ cho hạ du	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa
57	Hồ Cây Sung	Diên Tân, xã Diên Thọ	578474,44	1353171,99	13,1	0,453	Cấp nước tưới cho khoảng 75 ha đất canh tác (lúa)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa
58	Hồ số 1	Xã Diên Thọ	580602,28	1356998,06	2,21	-	Cấp nước cho nông nghiệp	x	UBND xã Diên Thọ
59	Hồ số 3	Xã Diên Thọ	584834,04	1355360,07	1,53	-	Cấp nước cho nông nghiệp	-	UBND xã Diên Thọ

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
60	Hồ số 4	Xã Diên Thọ	579926,16	1357949,33	1,11	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước, cấp nước sinh hoạt	-	UBND xã Diên Thọ
61	Hồ số 5	Xã Diên Thọ	586671,01	1355627,22	9,42	-		x	UBND xã Diên Thọ
62	Hồ số 6	Xã Diên Thọ	586444,72	1357267,41	0,86	-		-	UBND xã Diên Thọ
63	Hồ số 7	Xã Diên Thọ	586686,78	1356590,62	1,45	-		-	UBND xã Diên Thọ
I.20	Phường Nha Trang: 04 hồ; 01 cụm hồ								
64	Hồ số 1	Vĩnh Nguyên, phường Nha Trang	609398,29	1349983,85	5,54	-	Hồ cung cấp nước sinh hoạt	x	UBND phường Nha Trang
65	Hồ số 2	Vĩnh Nguyên, phường Nha Trang	611296,79	1350342,9	6,73	-	Hồ cung cấp nước sinh hoạt	x	UBND phường Nha Trang

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ^o)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
66	Hồ số 3	Hòn Tre, phường Nha Trang	612148,36	1352133,59	8,11	-	Hồ cung cấp nước sinh hoạt	x	UBND phường Nha Trang
67	Hồ số 4	Hòn Lớn, phường Nha Trang	616719,81	1350063,43	4,56	-	Hồ cung cấp nước sinh hoạt	x	UBND phường Nha Trang
68	Cụm hồ số 1	Hòn Tre, phường Nha Trang	609641,39	1350857,75	5,0	-	Tạo cảnh quan, điều hòa khí hậu và phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng	x	UBND phường Nha Trang
I.21	Xã Nam Khánh Vĩnh: 01 hồ								
69	Hồ Bầu Sang	Bầu Sang, xã Nam Khánh Vĩnh	562157,41	1356665,54	1,18	-	Tích trữ và điều hòa nguồn nước	-	UBND xã Nam Khánh Vĩnh

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
I.22	Phường Nam Nha Trang: 4 ao; 2 hồ; 01 cụm hồ								
70	Hồ Đồng Bò	Phước Trung, phường Nam Nha Trang	598331,67	1348218,04	7,9	0,54	Cấp nước tưới cho khoảng 7 ha đất canh tác (lúa). Cấp nước thô khoảng 400 m ³ /ngày-đêm cho Công ty CP Hoàn Cầu Nha Trang và hộ kinh doanh Trần Thị Duyên. Ngoài ra, phòng lũ cho hạ du, tạo cảnh quan, du lịch sinh thái	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa
71	Hồ số 1	Phước Hạ, phường Nam Nha Trang	603138,82	1345962,4	5,0	-	Tạo cảnh quan, điều hòa vi khí hậu và phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng	x	UBND phường Nam Nha Trang
72	Cụm hồ số 2	Phước Hạ, phường Nam Nha Trang	602148,08	1346335,75	7,02	-	Tạo cảnh quan, điều hòa vi khí hậu và phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng	x	UBND phường Nam Nha Trang

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
73	Ao số 1	Phước Trung, phường Nam Nha Trang	604508,15	1344537,23	0,82	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước	-	UBND phường Nam Nha Trang
74	Ao số 2	Phước Hạ, phường Nam Nha Trang	602806,51	1346219,44	0,36	-	Tích trữ nước	-	UBND phường Nam Nha Trang
75	Ao số 3	Phước Hạ, phường Nam Nha Trang	602629,31	1346254,34	0,24	-	Tích trữ nước	-	UBND phường Nam Nha Trang
76	Ao số 4	Phước Hạ, phường Nam Nha Trang	602472,55	1346515,98	0,64	-	Tích trữ nước	-	UBND phường Nam Nha Trang

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ^o)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
I.23	Xã Khánh Vĩnh: 02 hồ; 02 ao								
77	Hồ số 1	Khánh Phú, xã Khánh Vĩnh	572292,4	1348262,76	1,60	-	Tạo cảnh quan, điều hòa khí hậu	-	UBND xã Cam Lâm
78	Hợp thủy thôn Đông 1	Thôn Đông, xã Khánh Vĩnh	576341,7	1357490,6	0,02	-	Sản xuất nông nghiệp	-	UBND xã Khánh Vĩnh
79	Hợp thủy thôn Đông 2	Thôn Đông, xã Khánh Vĩnh	575687,24	1357383,99	0,03	-	Sản xuất nông nghiệp	-	UBND xã Khánh Vĩnh
80	Hồ điều tra	Thôn Tây Nam, xã Khánh Vĩnh	575883,72	1356056,83	0,50	-	Sản xuất nông nghiệp	-	UBND xã Khánh Vĩnh

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
I.24	Xã Suối Dầu: 01 hồ								
81	Hồ Suối Dầu	Xã Suối Dầu	587552,92	1344126,35	345	35,99	Cấp nước tưới cho khoảng 1.550 ha đất canh tác (lúa và màu) và có thể tiếp tục giảm trong thời gian đến. Cấp nước thô khoảng 30.000 m³/ngày-đêm cho Khu công nghiệp Suối Dầu, Công ty Cấp thoát nước Suối Dầu. Ngoài ra, phòng chống lũ cho hạ du	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa
I.25	Xã Cam Lâm: 01 ao; 03 hồ								
82	Ao số 1	Cam Hải Đông, xã Cam Lâm	602511,94	1334207,29	1,50	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước, cấp nước sinh hoạt	-	UBND xã Cam Lâm
83	Hồ Bầu Ró	Cam Hải Đông, xã Cam Lâm	603121,58	1332347,32	6,25	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước, cấp nước sinh hoạt	x	UBND xã Cam Lâm
84	Hồ số 3	Cam Hải Đông, xã Cam Lâm	602530,48	1335558,10	1,65	-	Tạo cảnh quan, điều hòa vi khí hậu và phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng	-	UBND xã Cam Lâm

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ^o)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
85	Hồ số 4	Cam Hải Đông, xã Cam Lâm	602570,26	1335735,8	2,15	-	Tạo cảnh quan, điều hòa vi khí hậu và phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng	x	UBND xã Cam Lâm
I.26	Xã Cam Hiệp: 01 ao, 01 hồ								
86	Ao Bầu Gốc	Xuân Lập, xã Cam Hiệp	591864,84	1338941,97	1,5	-	Nuôi trồng thủy sản và cấp, thoát nước sản xuất nông nghiệp	-	UBND xã Cam Hiệp
87	Hồ chứa nước Cam Ranh (Hồ Cam Thượng)	Sơn Tân, xã Cam Hiệp	591235,31	1338502,02	256	22,1	Cấp nước tưới cho khoảng 1.046 ha đất canh tác (lúa) và có thể tiếp tục giảm trong thời gian đến. Cấp nước thô khoảng 15.000 m ³ /ngày đêm cho Nhà máy nước Cam Lâm, Công ty CP Đường Việt Nam. Phòng chống lũ cho hạ du	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
I.27	Xã Cam An: 01 hồ								
88	Hồ Tà Rục	Xã Cam An	588592,92	1325188,77	166	23,48	Cấp nước tưới cho khoảng 650 ha đất canh tác (lúa và màu). Cấp nước thô khoảng 20.000 m3/ngày đêm cho Nhà máy nước Cam Phước Tây. Phòng chống lũ cho hạ du	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa
I.28	Xã Bắc Ái Tây: 02 hồ								
89	Hồ Sông Cái	Phước Hoà, xã Bắc Ái Tây	556442	1312734,95	945	219,81	Tưới và tạo nguồn tưới cho 7.480 ha đất nông nghiệp; tiếp nước cho hệ thống thủy nông Nha Trinh – Lâm Cẩm và các khu tưới hồ Cho Mo, hồ Bà Râu, hồ Sông Trâu, hồ Ông,... Tạo nguồn hạ lưu	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
90	Hồ Trà Co	Xã Bắc Ái Tây và Bắc Ái	561842,02	1312266,98	139,7	10,1	Cấp nước tưới cho 1.162 ha đất sản xuất nông nghiệp	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
I.29	Phường Bắc Cam Ranh: 02 ao; 08 hồ; 02 cụm hồ								
91	Ao số 3	Phường Bắc Cam Ranh	607688,53	1323435,23	0,72	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước, cấp nước sinh hoạt	-	UBND phường Bắc Cam Ranh
92	Ao số 4	Cam Nghĩa, phường Bắc Cam Ranh	609366,95	1313271,62	0,88	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước, phục vụ tưới tiêu nông nghiệp và cấp nước sinh hoạt	-	UBND phường Bắc Cam Ranh
93	Hồ số 3	Phường Bắc Cam Ranh	607185,79	1322659,37	5,29	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước, cấp nước sinh hoạt	x	UBND phường Bắc Cam Ranh
94	Hồ số 4	Phường Bắc Cam Ranh	607567,26	1323690,79	3,71	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước, cấp nước sinh hoạt	x	UBND phường Bắc Cam Ranh
95	Hồ số 5	Phường Bắc Cam Ranh	607310,75	1324057,15	2,10	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước, cấp nước sinh hoạt	x	UBND phường Bắc Cam Ranh

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ^o)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
96	Hồ số 6	Phường Bắc Cam Ranh	607328,33	1324380,25	1,87	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước, cấp nước sinh hoạt	-	UBND phường Bắc Cam Ranh
97	Hồ số 7	Phường Bắc Cam Ranh	608182,59	1325584,18	2,40	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước, cấp nước sinh hoạt	x	UBND phường Bắc Cam Ranh
98	Hồ số 8	Cam Phúc Bắc, phường Bắc Cam Ranh	-	-	5,79	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước, cấp nước sinh hoạt	x	UBND phường Bắc Cam Ranh
99	Hồ số 9	Cam Phúc Bắc, phường Bắc Cam Ranh	600907,87	1323144,53	2,83	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước, cấp nước sinh hoạt	x	UBND phường Bắc Cam Ranh

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
100	Hồ Con Hồ	Phường Bắc Cam Ranh	606996,07	1315931,91	35,60	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước, phục vụ tưới tiêu nông nghiệp và cấp nước sinh hoạt	x	UBND phường Bắc Cam Ranh
101	Cụm ao số 10	Cam Phúc Bắc, phường Bắc Cam Ranh	601368,51	1323207,7	0,86	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước, cấp nước sinh hoạt	-	UBND phường Bắc Cam Ranh
102	Cụm ao số 11	Cam Phúc Bắc, phường Bắc Cam Ranh	601104,37	1323273,4	-	-	Tích trữ và điều tiết nguồn nước, cấp nước sinh hoạt	-	UBND phường Bắc Cam Ranh

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
I.30	Phường Ba Ngòi: 01 hồ								
103	Hồ Suối Hành	Cam Phước Đông, phường Ba Ngòi	588288,77	1319880,29	144,4	9,49	Cấp nước tưới cho khoảng 216 ha đất canh tác. Ngoài ra, phòng chống lũ cho hạ du	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa
I.31	Xã Bắc Ái Đông: 01 ao; 04 hồ								
104	Ao chống hạn thôn Suối Lỡ	Phước Thành, xã Bắc Ái Đông	579089,34	1310919,41	0,34	0,0057 42	Phục vụ sinh hoạt và chăn nuôi	-	UBND xã Bắc Ái Đông
105	Hồ sinh thái thôn Ma Dú	Phước Thành, xã Bắc Ái Đông	579721,52	1311957,35	0,58	0,0086 42	Phục vụ sinh hoạt và chăn nuôi	-	UBND xã Bắc Ái Đông
106	Hồ sinh thái Đá Ba Cái	Phước Thành, xã Bắc Ái Đông	579632,22	1313926,8	1,10	0,0222 46	Phục vụ sinh hoạt và chăn nuôi	-	UBND xã Bắc Ái Đông

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 3 ^o)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
107	Hồ Ma Dú	Phước Thành, xã Bác Ái Đông	580235,54	1310527,74	0,37	0,009187	Phục vụ sản xuất	-	UBND xã Bác Ái Đông
108	Hồ Sông Sắt	Phước Thành, xã Bác Ái Đông	574085,99	1311353,01	791,5	69,33	Cấp nước tưới cho 3.800 ha đất sản xuất nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt, chăn nuôi v nuôi trồng thủy sản, kết hợp phát triển du lịch, cải tạo môi trường sinh thái khu vực	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
I.32	Xã Bác Ái: 06 ao								
109	Ao chống hạn thôn Ma Ty	Phước Thắng, xã Bác Ái	566366,16	1307766,08	12,211	0,021528	Phục vụ sinh hoạt và chăn nuôi	x	UBND xã Bác Ái
110	Ao chống hạn thôn Ma Ty	Phước Thắng, xã Bác Ái	567320,06	1307865,41	13,067	0,01456	Phục vụ sinh hoạt và chăn nuôi	x	UBND xã Bác Ái
111	Ao chống hạn	Phước Thắng, xã Bác Ái	565508,15	1307510,57	20,205	0,01656	Phục vụ sinh hoạt và chăn nuôi	x	UBND xã Bác Ái

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
112	Ao chống hạn thôn Đá Bàn	Phước Tiến, xã Bắc Ái	562419,56	131052,59	0,000 189	0,0056 7	Phục vụ sản xuất và chăn nuôi	-	UBND xã Bắc Ái
113	Ao chống hạn thôn Suối Ró	Phước Chính, xã Bắc Ái	566579,2	1305329,9	0,000 162	0,0048 6	Phục vụ sản xuất và chăn nuôi	-	UBND xã Bắc Ái
114	Ao chống hạn thôn Suối Ró	Phước Chính, xã Bắc Ái	566530,3	1305740,7	0,000 163	1,0048 6	Phục vụ sản xuất và chăn nuôi	-	UBND xã Bắc Ái
I.33	Xã Lâm Sơn: 03 hồ								
115	Hồ thủy điện Hạ Sông Pha 1	Xã Lâm Sơn	547761,88	1308141,75	-	-	Cung cấp điện	-	Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha
116	Hồ thủy điện Hạ Sông Pha 2	Xã Lâm Sơn	549698,79	1308525,59	-	-	Cung cấp điện	-	Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
117	Hồ thủy điện Thượng Sông Ông 1	Xã Lâm Sơn	553667,95	1307211,59	-	-	Cung cấp điện	-	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Sơn Ninh Thuận
I.34	Xã Công Hải: 03 hồ								
118	Hồ Ba Chi	Xã Công Hải	586676	1309668,02	11,36	0,40	Cấp nước cho 40 ha đất sản xuất nông nghiệp	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
119	Hồ Ma Trai	Xã Công Hải	590038,02	1308385,96	15	0,48	Cấp nước cho 40 ha đất sản xuất nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
120	Hồ Sông Trâu	Xã Công Hải	588896,68	1305431,9	396	31,53	Cấp nước tưới cho 3.000 ha đất sản xuất nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt; dịch vụ và công nghiệp	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (<i>Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰</i>)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý	
			X	Y						
I.35	Xã Ninh Sơn: 05 hồ									
121	Hồ sinh thái 3 tháng 4	Xã Ninh Sơn	558472,48	1302035,06	0,6314	0,01579	Tạo cảnh quan sinh thái	-	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Ninh Sơn	
122	Hồ thủy điện Thượng Sông Ông	Xã Ninh Sơn	560662,92	1300632,78	-	-	Cung cấp điện	-	Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Sơn	
123	Hồ thủy điện Sông Ông	Xã Ninh Sơn	560382,01	1299349,63	-	-	Cung cấp điện	-	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ông	
124	Hồ thủy điện Tân Mỹ 2	Xã Ninh Sơn	560885,62	1300801,56	-	-	Cung cấp điện	-	Công ty Cổ phần Đầu tư Vinacco	
125	Hồ thủy điện Mỹ Sơn	Xã Ninh Sơn	561038,47	1297012,98	-	-	Cung cấp điện	-	Công ty Cổ phần Thủy điện Mỹ Sơn	
I.36	Xã Thuận Bắc: 03 ao; 03 hồ									
126	Ao Nhà nước	Xã Thuận Bắc	584359,01	1293787,02	1,1	0,01	Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi (chồng hạn)	-	UBND xã Thuận Bắc	

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
127	Ao Thủy Lợi	Xã Thuận Bắc	586303,04	1292172,95	0,2	0,004	Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi (chồng hạn)	-	UBND xã Thuận Bắc
128	Ao Ông Ngũ	Xã Thuận Bắc	585987,95	1292172,95	0,25	0,01	Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi (chồng hạn)	-	UBND xã Thuận Bắc
129	Hồ Bà Râu	Xã Thuận Bắc	585731,62	1298771,24	87	4,67	Cấp nước cho 300 ha đất sản xuất nông nghiệp, và cấp nước cho khu công nghiệp Du Long	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
130	Hồ Kiên Kiên	Xã Thuận Bắc	590648,58	1295388,02	3	0,03	Duy trì dòng chảy môi trường hạ lưu bổ sung cấp nước đối với hệ thống cấp nước Kiên Kiên hiện có (nhánh Kiên Kiên); chuyển nước san lưu vực suối Đá (đảm bảo nước tưới cho 300ha đất nông nghiệp); cấp nước sinh hoạt.	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
131	Hồ Lợi Hải	Xã Thuận Bắc	589649,61	1297642,52	48	3,26	Duy trì dòng chảy môi trường hạ lưu bổ sung cấp nước đối với hệ thống cấp nước Kiên Kiên hiện có (nhánh Kiên Kiên); chuyển nước san lưu vực suối Đá (đảm bảo nước tưới cho 300ha đất nông nghiệp); cấp nước sinh hoạt.	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
I.37	Xã Mỹ Sơn: 02 ao; 04 hồ								
132	Ao số 3	Xã Mỹ Sơn	568422,63	1288246,05	0,916 7	0,0229 2	Phục vụ sinh hoạt và chăn nuôi	-	UBND xã Mỹ Sơn
133	Ao số 4	Xã Mỹ Sơn	568286,82	1287729,07	0,630 2	0,0157 6	Phục vụ sinh hoạt và chăn nuôi	-	UBND xã Mỹ Sơn
134	Hồ Phước Trung	Phước Trung, xã Mỹ Sơn	573918,01	1294250,05	55,7	2,35	Cấp nước tưới cho 270 ha đất sản xuất nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
135	Hồ Phước Nhon	Thuộc xã Mỹ Sơn và Thuận Bắc	579440,95	1296323,99	24,01	0,97	Cấp nước tưới cho 205 ha đất sản xuất nông nghiệp, cấp nước phục vụ chăn nuôi, gia súc	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ^o)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
136	Hồ Cho Mo	Xã Mỹ Sơn	562854,01	1297461,99	160,38	8,8	Cấp nước cho 1.242 ha đất sản xuất nông nghiệp	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
137	Hồ Thành Sơn	Xã Mỹ Sơn	578853,01	1290772	141,83	3,1	Cung cấp nước tưới cho 150 ha đất sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
I.38	Xã Vĩnh Hải: 14 ao; 03 hồ								
138	Ao Bà Tró trong	Thái An, xã Vĩnh Hải	598722,98	1288504,98	3,39	0,05	Phục vụ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	x	UBND xã Vĩnh Hải
139	Ao Bà Tró giữa	Thái An, xã Vĩnh Hải	598981,95	1288541,98	4,5	0,067	Phục vụ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	x	UBND xã Vĩnh Hải
140	Ao Bà Tró ngoài	Thái An, xã Vĩnh Hải	599152,01	1288691,98	2,9	0,043	Phục vụ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	x	UBND xã Vĩnh Hải

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
141	Ao Mang Khô	Thái An, xã Vĩnh Hải	599155,04	1289784,05	0,9	0,013	Phục vụ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Vĩnh Hải
142	Ao Hòn Dung	Thái An, xã Vĩnh Hải	596702,01	1283747,04	1,5	0,022	Phục vụ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Vĩnh Hải
143	Ao Bầu Đình	Mỹ Hòa, xã Vĩnh Hải	597169,04	1284048,95	1,7	0,025	Phục vụ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Vĩnh Hải
144	Ao Đồng Giữa	Mỹ Hòa, xã Vĩnh Hải	596987,03	1283661,98	1,3	0,026	Phục vụ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Vĩnh Hải
145	Ao Đồn Dưới	Mỹ Hòa, xã Vĩnh Hải	596892,01	1282938,99	1,6	0,024	Phục vụ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Vĩnh Hải
146	Ao Khánh Tân	Nhon Hải, xã Vĩnh Hải	591317	1286328,95	2,35	0,007	Phục vụ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	x	UBND xã Vĩnh Hải
147	Ao Bầu Chùa	Khánh Nhon, xã Vĩnh Hải	592491,04	1282232,96	23,4	0,035	Phục vụ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	x	UBND xã Vĩnh Hải

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ^o)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
148	Ao Hố Chại	Nhơn Hải, xã Vĩnh Hải	593728	1283871,98	1,1	0,003	Phục vụ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Vĩnh Hải
149	Ao Mỹ Tường 2	Khánh Nhơn, xã Vĩnh Hải	594620	1281262,05	0,5	0,002	Phục vụ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Vĩnh Hải
150	Ao Mỹ Tường 1	Khánh Nhơn, xã Vĩnh Hải	593662,05	1281479,05	11,3	0,022	Phục vụ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	x	UBND xã Vĩnh Hải
151	Ao Đá Bàn	Xã Vĩnh Hải	595687,96	1282086,02	2,5	0,05	Phục vụ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	x	UBND xã Vĩnh Hải
152	Hồ Nước Ngọt	Đá Hang, Xã Vĩnh Hải	599387,02	1292606,01	27,81	1,81	Cấp nước tưới cho 144,5 ha đất nông nghiệp trên địa bàn xã Vĩnh Hải. Tạo nguồn cấp nước cho sinh hoạt, dịch vụ và du lịch	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ^o)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
153	Hồ Ông Kinh	Nhon Hải, Xã Vĩnh Hải	594886,05	1283783,02	29,92	0,83	Cung cấp nước tưới cho 108ha đất canh tác thuộc thôn Mỹ Tường, xã Vĩnh Hải với cây trồng chính là cây hành và cây tỏi	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
154	Hồ sinh thái Amano	Vĩnh Hy, Xã Vĩnh Hải	603138,97	1295205,97	1,0085	0,018	Tưới tiêu, tạo cảnh quan	-	BQL Vườn Quốc gia Núi Chúa
I.39	Xã Ninh Hải: 01 ao								
155	Ao Mỹ Phong	Xã Ninh Hải	586718,17	1285632,31	0,7	0,015	Phục vụ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Ninh Hải
I.40	Xã Xuân Hải: 01 hồ								
156	Hồ số 5	Thôn Đá Bàn, xã Xuân Hải	581120,62	1284928,64	2,87	-	Sản xuất nông nghiệp	x	-
I.41	Phường Đô Vinh: 03 ao								
157	Ao chống hạn	Phường Đô Vinh	571939	1289831,1	0,21	0,00525	Phục vụ sinh hoạt và chăn nuôi	-	UBND phường Đô Vinh

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
158	Ao chống hạn	Phường Đô Vinh	572298,54	1288922,46	0,06	0,0015	Phục vụ sinh hoạt và chăn nuôi	-	UBND phường Đô Vinh
159	Ao chống hạn	Phường Đô Vinh	573512,81	1290320,31	0,06	0,0015	Phục vụ sinh hoạt và chăn nuôi	-	UBND phường Đô Vinh
I.41	Xã Anh Dũng: 01 hồ								
160	Hồ Sông Than	Hòa Sơn, xã Anh Dũng	555239,02	1293184,04	771	85,04	Cấp nước tưới cho 4.500 ha đất canh tác. Cấp nước sinh hoạt cho khoảng 20.000 dân vùng hạ lưu Cấp nước cho các ngành kinh tế khác: 4x 6m /năm Cấp nước bổ sung cho các hồ Lanh Ra, Tà Ranh, Bầu Zôn. Xả trả lại nguồn nước tự nhiên cho hạ du về mùa kiệt để đảm bảo môi trường; Kết hợp giao thông nông thôn, nuôi trồng thủy sản, giảm lũ và tạo cảnh quan du lịch	-	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
I.43	Xã Phước Hậu: 02 ao; 02 hồ								
161	Ao số 1	Phước Vinh, xã Phước Hậu	565260	1286133,98	1,2	0,018	Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Phước Hậu

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
162	Ao số 2	Phước Vinh, xã Phước Hậu	565619,01	1286939,02	1,0	0,015	Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Phước Hậu
163	Hồ Bầu Xít	Hoài Nhơn, xã Phước Hậu	571720,98	1282857,04	14	-	Sản xuất nông nghiệp	x	UBND xã Phước Hậu
164	Hồ Lanh Ra	Phước Vinh, xã Phước Hậu	564651,01	1284664,96	189	13,88	Cấp nước cho 1050 ha đất sản xuất nông nghiệp	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
I.44	Phường Ninh Chữ: 01 ao; 01 đầm								
165	Ao số 1	phường Ninh Chữ	584762,34	1281848,71	0,53	-	Sản xuất nông nghiệp	-	UBND phường Ninh Chữ
166	Đầm Nại	Phường Ninh Chữ	584856,17	1285221,29	691,76	-	Nuôi trồng thủy sản và thoát nước mưa, nước thải	x	Thuộc UBND xã Ninh Hải, Xuân Hải và phường Ninh Chữ

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ^o)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
I.45	Xã Phước Hữu: 05 ao; 04 hồ								
167	Ao La Thăng	Thôn Thành Đức, xã Phước Hữu	574993,53	1273683,3	1,0	0,01	Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Phước Hữu
168	Ao Mu Lâm	Thành Đức, xã Phước Hữu	568940	1274908	1,0	0,02	Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Phước Hữu
169	Ao Hậu Sanh	Hậu Sanh, xã Phước Hữu	568931	1274906	1,0	0,01	Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Phước Hữu
170	Ao Bà Tàng	Hậu Sanh, xã Phước Hữu	569505	1272503	0,8	0,016	Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Phước Hữu
171	Ao Ba Mang	Hậu Sanh, xã Phước Hữu	569172	1271934	0,7	0,014	Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Phước Hữu

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
172	Hồ Đá Trắng	Đá Trắng, xã Phước Hữu	569201	1278190	1,2	0,075	Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Phước Hữu
173	Hồ Thái Giao	Thái Giao, xã Phước Hữu	569248,03	1279817,03	0,6	0,045	Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Phước Hữu
174	Hồ Tà Ranh	Như Bình, xã Phước Hữu	568112,03	1277804,99	58,17	1,22	Cấp nước cho 100 ha đất sản xuất nông nghiệp	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
175	Hồ Bầu Zôn	Thành Đức, xã Phước Hữu	567278,96	1274050,04	89	1,69	Cấp nước cho 135 ha đất sản xuất nông nghiệp	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
I.46	Phường Phan Rang: 03 hồ								
176	Hồ điều hòa Kinh Dinh	Phường Phan Rang	580805,98	1278406,04	0,74	0,026	Thoát nước mưa, nước thải	-	UBND phường Phan Rang

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
177	Hồ điều hòa Công viên 16 tháng 4	Phường Phan Rang	581255,03	1279202,99	1,0	0,035	Thoát nước mưa, nước thải	-	UBND phường Phan Rang
178	Hồ trước Đập Hạ lưu Sông Dinh	Phường Phan Rang	581720,9	1276617,42	140	3,5	Cung cấp nước tưới sản xuất và sinh hoạt ngăn chặn tình trạng xâm nhập mặn; tạo nguồn để cấp nước cho nhiệt điện; phát triển du lịch, kết hợp giao thông	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
I.47	Phường Đông Hải: 03 hồ								
179	Hồ Đông Hải	Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Hải	584749,96	1277268,98	3,4	0,051	Phục vụ điều hòa tiêu thoát nước chung cho thành phố và một phần sử dụng cho tưới tiêu khi cần thiết	x	UBND phường Đông Hải
180	Hồ công viên trung tâm thành phố	Tổ dân phố 1, phường Đông Hải	582143,02	1280099	17,7	0,265	Phục vụ điều hòa tiêu thoát nước chung cho thành phố và một phần sử dụng cho tưới tiêu khi cần thiết	x	UBND phường Đông Hải

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
181	Hồ điều hòa Trung tâm	Tổ dân phố 1, phường Đông Hải	581959	1279484,03	10,0	0,35	Thoát nước mưa, nước thải	x	UBND phường Đông Hải
I.48	Xã Ninh Phước: 04 ao; 01 hồ								
182	Ao Bầu Chùa	Phước Hải, xã Ninh Phước	577405,96	1274833	1,7	0,068	Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Ninh Phước
183	Ao Chung Mỹ	xã Ninh Phước	574066,97	1272891,01	2,65	0,0795	Chứa nước mưa	x	UBND xã Ninh Phước
184	Ao Bầu Xúc	xã Ninh Phước	573349,96	1274956,05	1,8	0,036	Tạo cảnh quan sinh thái v chăn nuôi	-	UBND xã Ninh Phước
185	Ao chứa nước khu phố 13	xã Ninh Phước	575060,44	1273722,55	0,5	0,01	Chứa nước mưa, thoát nước mưa	-	UBND xã Ninh Phước
186	Hồ số 3	xã Ninh Phước	574019,39	1272896,76	4,53	-	Sản xuất nông nghiệp	x	UBND xã Ninh Phước

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
I.49	Xã Phước Hà: 02 ao; 03 hồ								
187	Ao chống hạn (đồng Nước Nhì)	Xã Phước Hà	563466,98	1270050,79	0,27	0,006	Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Phước Hà
188	Ao chống hạn (đồng Láng Dầu)	Xã Phước Hà	562584,55	1270558,06	0,2	0,005	Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi	-	UBND xã Phước Hà
189	Hồ Tân Giang	Xã Phước Hà	558387,96	1270805,01	104	13,39	Cấp nước tưới cho 3.000 ha đất sản xuất nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
190	Hồ Sông Biêu	Xã Phước Hà	558481,02	1264198	343	23,78	Cấp nước cho 1.200 ha đất sản xuất nông nghiệp	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
191	Hồ CK7	Xã Phước Hà	563348,05	1271621,04	32	1,43	Cấp nước tưới cho 100 ha đất sản xuất nông nghiệp	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ^o)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
I.50	Xã Thuận Nam: 02 ao; 01 hồ								
192	Ao Chà Vin	Xã Thuận Nam	566643,74	1266830,47	28,5	0,2	Sản xuất nông nghiệp	x	UBND xã Thuận Nam
193	Ao Cà Vay	Xã Thuận Nam	573511,37	1269264,73	8,5	0,15	Sản xuất nông nghiệp	x	UBND xã Thuận Nam
194	Hồ Suối Lớn	Xã Thuận Nam	564863	1266868	19,1	1,06	Cấp nước tưới cho 95 ha đất sản xuất nông nghiệp	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
I.51	Xã Phước Dinh: 05 ao; 02 hồ; 01 đầm								
195	Ao xử lý nước thải khu nuôi tôm	Xã Phước Dinh	582689,04	1272277,03	0,8	0,012	Sản xuất nông nghiệp	-	UBND xã Phước Dinh
196	Ao Láng (Bàu Láng)	Xã Phước Dinh	580564,02	1276985,97	0,72	0,0108	Sản xuất nông nghiệp	-	UBND xã Phước Dinh

TT	Tên ao, hồ, đầm	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 3 ⁰)		Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình chức năng	Thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
			X	Y					
197	Ao Ké (Bầu Ké)	Xã Phước Dinh	580490,98	1275744,99	1,08	0,0183 6	Sản xuất nông nghiệp	-	UBND xã Phước Dinh
198	Ao Ông Giỏi (Bầu Ông Giỏi)	Xã Phước Dinh	579659,02	1276373,04	2,03	0,0203	Sản xuất nông nghiệp	x	UBND xã Phước Dinh
199	Ao Xoài (Bầu Xoài)	Xã Phước Dinh	580032,03	1276607,95	0,36	0,0050 4	Sản xuất nông nghiệp	-	UBND xã Phước Dinh
200	Hồ Núi Một	Xã Phước Dinh	578797,96	1261521,97	56	2,25	Cấp nước cho 151ha nuôi trồng thủy sản; cấp nước phục vụ Công nghiệp với công suất 600m ³ /ngày và cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp với diện tích 30ha	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
201	Hồ Bầu Ngủ	Xã Ninh Phước	599387,02	1292606,01	46	1,6	Cấp nước cho 170 ha đất sản xuất nông nghiệp	x	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
202	Đầm Sơn Hải	Xã Phước Dinh	581516,01	1261909,62	20,54	-	Thoát nước mưa	x	UBND xã Phước Dinh

Ghi chú: Đánh dấu “x” là thuộc công trình phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước